

Số: 691/2010/QĐ-HĐND

Cao Bằng, ngày 17 tháng 5 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị,
nhà ở và công sở trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Nghị định số 90/2006/NĐ-CP ngày 6 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ Hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 41/2007/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về xây dựng ngầm đô thị;

Căn cứ Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 9 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 88/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về thoát nước đô thị và khu công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 35/2008/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang;

Căn cứ Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Quyết định số 229/2006/QĐ-TTg ngày 12 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về yêu cầu quy hoạch xây dựng công sở cơ quan hành chính nhà nước cấp;

Căn cứ Quyết định số 65/2009/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành một số cơ chế, chính sách phát triển nhà ở cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề thuê;

Căn cứ Quyết định số 66/2009/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành một số cơ chế, chính sách phát triển nhà ở cho công nhân lao động tại các khu công nghiệp thuê;

Căn cứ Quyết định số 67/2009/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành một số cơ chế, chính sách phát triển nhà ở người có thu nhập thấp tại các đô thị;

Căn cứ Thông tư số 20/2005/TT-BXD ngày 20 tháng 12 năm 2005 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn về quản lý cây xanh đô thị;

Căn cứ Thông tư số 04/2008/TT-BXD ngày 20 tháng 02 năm 2008 của Bộ Xây dựng về quản lý đường đô thị;

Căn cứ Thông tư số 20/2009/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 20/2005/TT-BXD ngày 20/12/2005 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn về quản lý cây xanh đô thị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 308/TTr-SXD ngày 05 tháng 5 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị, nhà ở và công sở trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn, các tổ chức cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
(Đã ký)

Nông Văn Páo

QUY ĐỊNH
Quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị, nhà ở và công sở
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 691/2010/QĐ-UBND
Ngày 17 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc phân cấp quản lý và sử dụng hạ tầng kỹ thuật đô thị, nhà ở và công sở trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Những nội dung khác chưa nêu trong Quy định phân cấp này, áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng, quản lý và sử dụng hạ tầng kỹ thuật đô thị, nhà ở và công sở trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Nguyên tắc chung

Thực hiện việc quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị, nhà ở và công sở trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đúng với chức năng nhiệm vụ quyền hạn của các Sở ban ngành và UBND các cấp, công khai minh bạch theo các quy định của pháp luật.

Việc xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị (đường, vỉ hè, hệ thống cấp thoát nước, cấp điện, thông tin liên lạc ...) phải có sự phối hợp giữa các ngành có liên quan, phải được xem xét từ khi lập dự án đầu tư để tiến hành xây dựng đồng bộ tránh đào lấp đường, vỉa hè nhiều lần gây lãng phí, ảnh hưởng vệ sinh môi trường và các hoạt động công cộng.

Chương II
QUẢN LÝ HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐÔ THỊ, NHÀ Ở VÀ CÔNG SỞ
Mục 1
QUẢN LÝ ĐƯỜNG ĐÔ THỊ

Điều 4. Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Quy định phân cấp quản lý về hạ tầng giao thông đô thị trên địa bàn tỉnh.
2. Ủy ban nhân dân tỉnh giao và ủy quyền cho các sở chuyên ngành thực hiện các nhiệm vụ sau:

2.1. Sở Xây dựng:

- a) Tham mưu giúp UBND tỉnh thực hiện công tác quản lý nhà nước về kết cấu hạ tầng giao thông đô thị trên địa bàn tỉnh (trừ đường Quốc lộ, đường cao

tốc qua đô thị). Là cơ quan đầu mối thực hiện quản lý xây dựng đồng bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật khác khi xây dựng đường đô thị;

b) Tổng hợp, hướng dẫn lập, thực hiện quy hoạch, kế hoạch nâng cấp cải tạo, bảo trì và phát triển đường đô thị;

c) Hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra việc quản lý, khai thác sử dụng đường đô thị;

d) Cấp giấy phép đào đường cho tổ chức và cá nhân lắp đặt các công trình hạ tầng kỹ thuật trên đường đô thị: các công trình phục vụ công cộng; các công trình ngầm; các công trình trên mặt, vỉa hè đường; trồng cây xanh; dựng biển báo và các công việc tạm thời như thăm dò, khảo sát địa chất đối với đường đô thị.

Đào đường để thi công sửa chữa, cải tạo nâng cấp đường phải đảm bảo cao độ theo quy hoạch, cao độ hiện trạng tránh làm ảnh hưởng đến hệ thống thoát nước và các công trình xây dựng hai bên đường đô thị nếu dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì không phải cấp phép đào đường nhưng phải thông báo bằng văn bản về địa điểm, vị trí, quy mô và thời gian đào đường đến chính quyền địa phương nơi tiến hành đào đường để biết và kiểm tra theo dõi việc đào đường và tái lập mặt đường.

đ) Cấp giấy phép sử dụng tạm thời đường đô thị ngoài mục đích giao thông như: Các dịch vụ công cộng, quảng cáo buồng điện thoại, điểm đỗ xe.

2.2. Sở văn hóa, thể thao và Du lịch:

Là cơ quan thường trực của Hội đồng tư vấn về đặt tên, đổi tên đường tại các đô thị trên địa bàn tỉnh; tham mưu cho UBND tỉnh lập đề án đặt tên đường phố để UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua theo quy định.

Điều 5. Ủy ban nhân dân huyện, tỉnh.

1. Thực hiện công tác quản lý đường đô thị trên phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý.

2. Chịu trách nhiệm quản lý hành chính trong việc sử dụng hè phố, lòng đường, trật tự đô thị, vệ sinh môi trường trên địa bàn, có biện pháp chống lấn chiếm hè phố, lòng đường bảo đảm an toàn giao thông, trật tự, vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị.

3. Cấp giấy phép xây dựng lắp đặt mái che mưa, che nắng.

4. Cấp giấy phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè đường đô thị vào mục đích: Tập kết, trung chuyển vật liệu xây dựng; trông giữ xe đạp, xe máy; tổ chức các hoạt động văn hóa, xã hội, tuyên truyền; các dịch vụ buôn bán nhỏ.

5. Hướng dẫn, tổ chức kiểm tra việc xây dựng cửa hàng nhỏ, lắp đặt mái che mưa, che nắng; tổ chức dỡ bỏ cửa hàng, mái che mưa, che nắng không đúng quy định, chỉ đạo các phòng, ban và UBND cấp dưới thực hiện chức năng quản lý theo thẩm quyền và xử lý các vi phạm theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Điều 6. Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn.

1. Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng đường đô thị trên địa bàn theo phân cấp.
2. Quản lý và cấp phép sử dụng tạm thời hè phố cho việc cưới, việc tang trên địa bàn mình quản lý.
3. Tổ chức kiểm tra, xử lý các vi phạm về quản lý đường đô thị trên địa bàn mình quản lý theo quy định của pháp luật.

Mục 2

QUẢN LÝ NƯỚC SINH HOẠT

Điều 7. Các Sở chuyên ngành

1. Sở Xây dựng:

Thực hiện quản lý Nhà nước về cấp nước đô thị và khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Lập văn bản gửi Sở Tài chính thẩm định giá nước sạch tại các đô thị.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Thực hiện quản lý Nhà nước về cấp nước nông thôn trên địa bàn tỉnh. Lập văn bản gửi Sở Tài chính thẩm định giá nước sạch tại khu vực nông thôn.

3. Sở Tài chính:

Thẩm định phương án giá nước sinh hoạt trình UBND tỉnh phê duyệt. Chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ sở liên quan kiểm tra việc thực hiện quyết định giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt áp dụng cho các đối tượng sử dụng nước trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Cấp giấy phép khai thác sử dụng tài nguyên nước.

Điều 8. Đơn vị cấp nước

1. Trực tiếp quản lý khai thác, sử dụng các công trình cấp nước đô thị, khu công nghiệp, khu nông thôn; phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và chính quyền địa phương xử lý các hành vi vi phạm công trình cấp nước đô thị, ký kết hợp đồng cung cấp nước sạch cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng nước.

2. Tuân thủ các quy trình, quy phạm vận hành hệ thống cấp nước. Trụ nước chữa cháy do đơn vị cấp nước lắp đặt trong phạm vi mạng lưới cấp nước theo đề án quy hoạch hệ thống cấp nước và theo đề nghị của cơ quan Phòng cháy chữa cháy và chỉ được sử dụng vào mục đích chữa cháy.

3. Căn cứ khung giá nước sạch sinh hoạt theo quy định, báo cáo Sở Xây dựng đối với giá nước sạch tại đô thị và khu công nghiệp, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với giá nước sinh hoạt tại nông thôn để các Sở tổng hợp gửi Sở Tài chính thẩm định trước khi trình UBND tỉnh phê duyệt.

4. Thực hiện các quy định của pháp luật về tài nguyên nước và bảo vệ môi trường. Bảo vệ an toàn nguồn cấp nước, xây dựng đới phòng hộ khu vực lấy

nước, hệ thống cấp nước theo quy định. Đảm bảo cung cấp dịch vụ cấp nước cho khách hàng, đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng dịch vụ theo quy định.

5. Bồi thường khi gây thiệt hại cho khách hàng sử dụng nước theo quy định của pháp luật và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Tổ chức, cá nhân các hộ gia đình sử dụng nước

1. Thanh toán tiền nước đầy đủ, đúng thời hạn và thực hiện các thỏa thuận khác trong hợp đồng dịch vụ cấp nước.

2. Sử dụng nước tiết kiệm.

3. Thông báo kịp thời cho đơn vị cấp nước khi phát hiện những dấu hiệu bất thường có thể gây mất nước, ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ, mất an toàn cho người và tài sản.

4. Tạo điều kiện cho đơn vị cấp nước kiểm tra, ghi chỉ số của đồng hồ đo nước.

5. Đảm bảo các trang thiết bị sử dụng nước đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, phù hợp với đặc tính kỹ thuật trang thiết bị của đơn vị cấp nước.

6. Bồi thường khi gây thiệt hại cho đơn vị cấp nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật.

Mục 3 QUẢN LÝ THOÁT NƯỚC

Điều 10. Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Quyết định phí thoát nước cho từng đô thị trên địa bàn sau khi thông qua HĐND tỉnh phê chuẩn.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh giao và ủy quyền cho các sở chuyên ngành thực hiện quản lý nhà nước về thoát nước đô thị như sau:

2.1. Sở Xây dựng:

a) Thực hiện quản lý Nhà nước về thoát nước đô thị và khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh;

b) Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính thẩm định phương án phí thoát nước đô thị UBND tỉnh.

2.2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Thực hiện quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường và kiểm soát ô nhiễm trong hoạt động thoát nước đô thị và khu công nghiệp; cấp giấy phép xả nước thải theo quy định.

2.3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Thực hiện quản lý Nhà nước về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

2.4. Chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu công nghiệp tự xây dựng phí thoát nước trong khu công nghiệp, tự quyết định sau khi thỏa thuận với các đơn vị kinh doanh trong khu công nghiệp.

Điều 11. Ủy ban nhân dân các huyện, thị

Lựa chọn đơn vị quản lý, vận hành ký kết hợp đồng và tổ chức giám sát thực hiện.

Điều 12. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

1. Phối hợp với đơn vị thoát nước trong việc bảo đảm yêu cầu về thoát nước, chống ngập úng đô thị trên địa bàn do mình quản lý.

2. Phát hiện ngăn chặn, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm pháp luật trong hoạt động thoát nước.

Điều 13. Đơn vị quản lý thoát nước

1. Quản lý tài sản được đầu tư từ nguồn vốn của chủ sở hữu công trình thoát nước theo Hợp đồng đã ký kết.

2. Tuân thủ các quy trình, quy phạm về vận hành hệ thống thoát nước.

3. Xử lý sự cố, khôi phục việc thoát nước, lập và trình phương án phí thoát nước trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Thiết lập cơ sở dữ liệu, quản lý các hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước do mình quản lý; phối hợp với đơn vị cấp nước hoặc trực tiếp tổ chức thu phí thoát nước theo quy định.

5. Thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

6. Thỏa thuận đấu nối cho các đối tượng có nhu cầu về vị trí đấu nối, thời điểm đấu nối, chất lượng lưu lượng nước xả vào điểm đấu nối.

7. Cung cấp thông tin thỏa thuận đấu nối cho các đối tượng có nhu cầu.

8. Bảo vệ an toàn hệ thống thoát nước theo quy định.

9. Bảo đảm duy trì ổn định dịch vụ thoát nước theo quy định. Hàng năm báo cáo theo quy định gửi Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Xây dựng.

10. Bồi thường khi gây thiệt hại cho bên sử dụng theo quy định của pháp luật.

11. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Tổ chức, cá nhân, các hộ gia đình sử dụng dịch vụ thoát nước

1. Thanh toán phí thoát nước đầy đủ, đúng thời hạn.

2. Xả nước thải vào hệ thống đúng quy định, quy chuẩn hiện hành.

3. Thông báo kịp thời cho đơn vị thoát nước khi thấy có hiện tượng bất thường có thể gây sự cố đối với hệ thống thoát nước.

4. Xin đấu nối hệ thống thoát nước của công trình vào hệ thống thoát nước chung đúng các quy định của thỏa thuận đấu nối của cấp có thẩm quyền.

5. Bồi thường khi gây thiệt hại cho các bên liên quan theo quy định của pháp luật.

Mục 4 **QUẢN LÝ CÂY XANH ĐÔ THỊ**

Điều 15. Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Phê duyệt quy hoạch cây xanh đô thị.
2. Ban hành danh mục cây xanh cổ thụ, cây cần bảo tồn, cây cấm trồng, cây trồng hạn chế trong đô thị.
3. Ủy ban nhân dân tỉnh và ủy quyền cho các sở chuyên ngành thực hiện quản lý nhà nước về cây xanh đô thị như sau:
 - 3.1. Sở Xây dựng:
 - a) Thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với toàn bộ hệ thống cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh;
 - b) Thẩm định quy hoạch cây xanh đô thị trình UBND tỉnh phê duyệt;
 - c) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn và các Sở, ngành, đơn vị có liên quan trình UBND tỉnh ban hành danh mục cây cổ thụ, cây cần bảo tồn, cây cấm trồng, cây trồng hạn chế trong đô thị;
 - d) Hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá việc quản lý, khai thác, sử dụng và bảo vệ cây xanh đô thị;
 - đ) Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho giám đốc Sở Xây dựng cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị;
 - e) Định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Xây dựng tình hình quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh.

3.2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- a) Hỗ trợ các đơn vị, cá nhân trực tiếp quản lý cây xanh đô thị phát triển nguồn giống, chủng loại cây xanh nhằm tạo sự đa dạng, phong phú trong hệ thống cây xanh đô thị, phát triển cơ sở hậu cần vườn ươm phục vụ nhu cầu trồng cây xanh của tỉnh;
- b) Phối hợp với Sở Xây dựng và các sở, ngành có liên quan xây dựng danh mục cây cần bảo tồn, cây cấm trồng, cây cần hạn chế, cây cổ thụ.

Điều 16. Ủy ban nhân dân các huyện, thị

1. Tổ chức thực hiện việc quản lý, bảo vệ và phát triển cây xanh đô thị trên địa bàn do mình quản lý.
2. Tổ chức lập quy hoạch chuyên ngành cây xanh đô thị, xây dựng kế hoạch phát triển cây xanh đô thị.
3. Cung cấp các dịch vụ có liên quan tới xây xanh đô thị.

4. Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện các dự án trên địa bàn quản lý, bảo đảm tỷ lệ cây xanh theo đúng hồ sơ được duyệt. Lập biên bản xử lý hành vi vi phạm, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền xử phạt.

5. Chỉ đạo UBND xã, phường, thị trấn hỗ trợ cơ quan trực tiếp quản lý cây xanh trong công tác bảo vệ hệ thống cây xanh đô thị trên địa bàn quản lý.

6. Đối với các huyện chưa có đơn vị trực tiếp thực hiện việc quản lý cây xanh thì tiến hành lựa chọn, ký hợp đồng với các đơn vị chuyên ngành thực hiện việc trồng, duy trì và chăm sóc cây xanh đô thị.

7. Lập kế hoạch gửi Sở Xây dựng đề phục vụ việc cấp giấy phép chặt hạ, thay thế các tuyến cây lâu năm, già cỗi, không còn phát huy tác dụng cải thiện môi trường và không đảm bảo an toàn cho sinh hoạt đô thị.

8. Khảo sát, lập kế hoạch chăm sóc đặc biệt đối với cây cổ thụ, cây cần bảo tồn, cây xanh mang đặc trưng của đô thị.

9. Tuyên truyền, giáo dục vận động các tổ chức, cá nhân tích cực tham gia bảo vệ, chăm sóc và phát triển cây xanh đô thị.

10. Định kỳ hàng năm gửi báo cáo tình hình quản lý cây xanh trên địa bàn về Sở Xây dựng theo quy định.

Điều 17. Đơn vị, cá nhân trực tiếp quản lý cây xanh đô thị

1. Thực hiện trồng, chăm sóc và quản lý hệ thống cây xanh đô thị theo hợp đồng đã ký kết.

2. Lập danh sách và tổ chức đánh số các loại cây xanh, cây bảo tồn trên đường phố, nơi công cộng. Hàng năm có nhiệm vụ báo cáo kiểm kê diện tích cây xanh và số lượng cây trồng.

3. Phát hiện, lập kế hoạch cây xanh bị sâu bệnh không có khả năng điều trị, bị chết, có nguy cơ đổ ngã và cây xanh thuộc danh mục cây cấm trồng xin phép cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc chặt hạ.

4. Thường xuyên kiểm tra, kiến nghị các cơ quan chức năng giải quyết kịp thời những vấn đề liên quan về cây xanh.

5. Nghiên cứu đề xuất chủng loại cây, hoa phù hợp với quy hoạch xây dựng, với đặc điểm thổ nhưỡng, khí hậu và cảnh quan chung, tiếp tục lai tạo các loại cây, hoa đẹp ở các địa phương để áp dụng trên địa bàn được giao quản lý.

6. Duy trì và bảo vệ cây xanh đô thị theo quy định.

7. Phối hợp với các địa phương vận động thực hiện phong trào Nhà nước và nhân dân cùng chăm sóc, quản lý và phát triển hệ thống cây xanh công cộng.

8. Hàng năm lập báo cáo kiểm kê diện tích và số lượng cây xanh.

9. Phát hiện và báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý các trường hợp chặt hạ, di chuyển cây xanh đô thị không xin phép.

Điều 18. Trách nhiệm của Chủ tịch xây dựng công trình trong đô thị

Khi tiến hành xây dựng công trình trên đất có trồng cây xanh trong đô thị:

1. Đối với công trình không phải xin phép xây dựng chỉ được chặt hạ hoặc dịch chuyển các loại cây xanh khi được cấp giấy phép chặt hạ theo quy định.

2. Các công trình phải xin phép xây dựng, cơ quan cấp giấy phép xây dựng công trình phải có ý kiến thỏa thuận bằng văn bản của Sở Xây dựng về việc chặt hạ, dịch chuyển cây trước khi cấp giấy phép xây dựng.

Mục 5 **QUẢN LÝ NGHĨA TRANG**

Điều 19. Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Phê duyệt quy hoạch xây dựng nghĩa trang cho các đô thị trên phạm vi toàn tỉnh.

2. Quy định giá dịch vụ nghĩa trang.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh giao và ủy quyền cho Sở Xây dựng thực hiện quản lý nhà nước về nghĩa trang như sau:

a) Thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch xây dựng nghĩa trang cho các đô thị trên phạm vi toàn tỉnh;

b) Lập kế hoạch để tổ chức xây dựng mới, cải tạo, đóng cửa và di chuyển nghĩa trang trên địa bàn tỉnh để từng bước khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, thiếu mỹ quan, sử dụng đất không hiệu quả và dần tạo lập thói quen tâng văn minh, hiện đại và phù hợp với phong tục, tập quán tốt, nét đẹp văn hóa của từng địa phương trình UBND tỉnh phê duyệt;

c) Thẩm định giá dịch vụ nghĩa trang trình UBND tỉnh phê duyệt.

Điều 20. Ủy ban nhân dân các huyện, thị

1. Quản lý nhà nước về nghĩa trang trên địa bàn mình quản lý. Quyết định việc giao đơn vị quản lý đối với các nghĩa trang trên địa bàn được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

2. Phê duyệt quy hoạch xây dựng nghĩa trang ngoài quy định tại Điều 19.

3. Phê duyệt quy chế quản lý nghĩa trang đối với các nghĩa trang do huyện, thị mình quản lý đầu tư từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước.

4. Thỏa thuận quy chế quản lý nghĩa trang đối với các nghĩa trang do các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng.

Điều 21. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

Quản lý nghĩa trang được giao. Thực hiện chính sách xã hội đối với các đối tượng đặc biệt theo quy định của Chính phủ.

Điều 22. Đơn vị quản lý nghĩa trang

1. Trực tiếp quản lý nghĩa trang được giao hoặc do mình đầu tư xây dựng. Lập và lưu trữ hồ sơ nghĩa trang đồng thời cung cấp thông tin khi có yêu cầu.

2. Xây dựng giá dịch vụ nghĩa trang trình cấp có thẩm quyền quyết định đối với dự án đầu tư bằng nguồn ngân sách Nhà nước.

3. Lập quy chế quản lý nghĩa trang trình UBND huyện, thị phê duyệt và quản lý nghĩa trang theo quy chế đã được phê duyệt.

4. Cung cấp các dịch vụ nghĩa trang cho người sử dụng, đảm bảo chất lượng dịch vụ theo quy định.

5. Thực hiện các chính sách khác theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng nghĩa trang

1. Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng nghĩa trang và được hỗ trợ ưu đãi đầu tư xây dựng nghĩa trang theo quy định của Chính phủ.

2. Quản lý nghĩa trang theo quy chế đã được duyệt. Lập và lưu trữ hồ sơ nghĩa trang đồng thời cung cấp thông tin khi có yêu cầu.

3. Tự quyết định giá dịch vụ nghĩa trang do mình cung cấp trên cơ sở thẩm định của Sở Xây dựng trình UBND tỉnh chấp thuận.

4. Xây dựng và phê duyệt quy chế quản lý nghĩa trang do mình đầu tư sau khi có thỏa thuận của UBND huyện, thị (Nội dung xây dựng quy chế quản lý nghĩa trang thực hiện theo quy định của Chính phủ). Khi ban hành gửi quy chế cho UBND huyện, thị để quản lý, giám sát kiểm tra việc thực hiện.

5. Cung cấp các dịch vụ nghĩa trang cho người sử dụng, đảm bảo chất lượng dịch vụ theo quy định.

6. Thực hiện các chính sách khác theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ nghĩa trang

1. Tuân thủ các quy định của nghĩa trang và các quy định có liên quan.

2. Thực hiện các trách nhiệm theo thỏa thuận với đơn vị quản lý nghĩa trang.

Mục 6 QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN

Điều 25. Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch chất thải rắn trên địa bàn tỉnh.

2. Phê duyệt dự toán chi phí dịch vụ công ích xử lý chất thải rắn cho các tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ công ích.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh giao và ủy quyền cho các sở thực hiện quản lý Nhà nước về chất thải rắn như sau:

3.1. Sở Xây dựng:

a) Lập và công bố quy hoạch quản lý chất thải rắn trên địa bàn toàn tỉnh;

b) Thẩm định dự toán chi phí dịch vụ công ích xử lý chất thải rắn trình UBND tỉnh phê duyệt.

3.2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Hướng dẫn các chủ nguồn chất thải rắn nguy hại đăng ký nguồn chất thải, quy định chính sách ưu đãi về đất đai cho hoạt động quản lý chất thải rắn.

Điều 26. Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị

1. Kiểm tra giám sát quản lý chất thải rắn trên địa bàn. Chỉ đạo UBND xã, phường, thị trấn thực hiện tốt nhiệm vụ đã được giao tại Điều 27 của bản Quy định phân cấp này.

2. Tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thu gom, vận chuyển chất thải rắn.

Điều 27. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

1. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức cộng đồng về quản lý chất thải rắn theo quy định phân cấp này và các quy định khác của pháp luật có liên quan, tuyên truyền vận động, kiểm tra nhắc nhở các hộ dân phải thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với cơ quan đơn vị thu gom rác.

2. Thường xuyên kiểm tra xử lý các vi phạm hành chính về quản lý chất thải rắn tại các đô thị.

3. Chỉ đạo tổ chức phát động các đợt tổng vệ sinh nhà ở, giữ gìn vệ sinh môi trường đường phố, các nơi công cộng đến các xóm, tổ dân phố, phường, xã theo định kỳ. Chỉ đạo các xóm, tổ dân phố xây dựng hương ước, quy ước bảo vệ môi trường cho từng xóm, tổ dân phố.

4. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, các tổ chức đoàn thể, cộng đồng dân cư có trách nhiệm giám sát quá trình thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn của mình. Trong trường hợp phát hiện những vi phạm pháp luật về quản lý chất thải rắn, cần thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của địa phương để xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Đề xuất với UBND huyện về những cơ chế chính sách, biện pháp nhằm làm cho công tác quản lý chất thải rắn đạt hiệu quả.

Điều 28. Trách nhiệm của Chủ đầu tư cơ sở xử lý chất thải rắn

1. Trong quá trình đầu tư xây dựng:

a) Thực hiện đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn và các hạng mục công trình phụ trợ theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng;

b) Được hỗ trợ chính sách ưu đãi (nếu có) theo quy định của Chính phủ đối với các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng khu xử lý chất thải rắn; được kinh doanh và hưởng lợi từ các sản phẩm thu được của hoạt động xử lý chất thải rắn theo dự án đầu tư;

c) Thực hiện nghĩa vụ bồi thường, chi phí giải phóng mặt bằng, di dời mồ mả, hỗ trợ chuyển đổi nghề cho dân cư thuộc vùng triển khai dự án theo quy định của pháp luật;

d) Khi có nhu cầu thay đổi về nội dung đầu tư xây dựng hoặc thay đổi công nghệ, chủ đầu tư cần thực hiện theo các nội dung và trình tự về đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật.

2. Trong quá trình vận hành:

a) Tổ chức vận hành cơ sở quản lý chất thải rắn theo nội dung của dự án đã được duyệt;

b) Có trách nhiệm nộp các khoản thuế, các nghĩa vụ tài chính cho nhà nước theo quy định của pháp luật;

c) Khi phát hiện sự cố môi trường, chủ đầu tư phải có trách nhiệm thực hiện các biện pháp khẩn cấp để đảm bảo an toàn cho người và tài sản; tổ chức cứu người, tài sản và kịp thời thông báo cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường nơi xảy ra ô nhiễm hoặc sự cố môi trường để phối hợp xử lý;

d) Trong trường hợp đóng bãi chôn lấp hoặc chấm dứt hoạt động của cơ sở xử lý chất thải rắn chủ đầu tư phải gửi công văn đến các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường để thông báo thời gian đóng bãi chôn lấp, chấm dứt hoặc hoạt động của các cơ sở xử lý chất thải rắn;

đ) Ngay sau khi đóng bãi chôn lấp hoặc kết thúc hoạt động của cơ sở xử lý chất thải rắn, chủ đầu tư phải tiến hành phục hồi và cải thiện cảnh quan khu vực, đồng thời có biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm môi trường;

e) Chậm nhất sau 02 năm kể từ ngày đóng bãi chôn lấp và sau 01 năm kể từ ngày chấm dứt hoạt động của cơ sở xử lý chất thải rắn, chủ đầu tư phải hoàn tất các thủ tục bàn giao lại đất cho Nhà nước;

g) Có trách nhiệm quan trắc môi trường, theo dõi biến động môi trường ít sau 05 năm, kể từ ngày đóng bãi chôn lấp hoặc chấm dứt hoạt động của cơ sở xử lý chất thải rắn. Kết quả quan trắc môi trường phải được thông báo cho cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường địa phương.

Điều 29. Đơn vị quản lý khu xử lý chất thải rắn

1. Đơn vị quản lý khu xử lý chất thải rắn chỉ được phép hoạt động khi:

a) Các hạng mục công trình của dự án đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn đã hoàn thành và được nghiệm thu đưa vào hoạt động theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng;

b) Có chương trình giám sát môi trường, kế hoạch và biện pháp bảo đảm an toàn trong quá trình vận hành;

c) Đối với xử lý chất thải rắn nguy hại, chủ xử lý chất thải phải có giấy phép hành nghề xử lý chất thải rắn nguy hại do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp;

2. Chỉ được phép tiếp nhận và xử lý các loại chất thải đã nêu trong dự án từ các nguồn thải và tổ chức thu gom, vận chuyển đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

3. Vận hành cơ sở xử lý chất thải rắn theo quy trình công nghệ đã nêu trong dự án và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

4. Ghi chép và lưu giữ các hồ sơ chất thải và gửi báo cáo định kỳ 06 tháng một lần cho các cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.

5. Xây dựng kế hoạch, chương trình và biện pháp phòng ngừa, ứng cứu sự cố môi trường.

6. Triển khai thực hiện chương trình giám sát môi trường tại cơ sở. Chương trình giám sát, kết quả quan trắc phải được gửi đến cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường định kỳ 06 tháng một lần.

7. Thực hiện kế hoạch an toàn lao động trong vận hành và bảo vệ sức khỏe cho người lao động.

8. Xây dựng dự toán chi phí dịch vụ công ích xử lý chất thải rắn do mình quản lý trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 30. Chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn thông thường

1. Phải có trách nhiệm bảo đảm thường xuyên yêu cầu nhân lực và phương tiện nhằm thu gom, vận chuyển toàn bộ chất thải rắn tại những địa điểm đã quy định.

2. Đặt các thùng lưu giữ chất thải rắn đúng nơi quy định, cung cấp túi đựng chất thải cho các hộ gia đình, hướng dẫn các hộ gia đình, tổ chức, cá nhân phát sinh chất thải rắn thực hiện việc phân loại chất thải tại nguồn.

3. Thông báo rộng rãi về thời gian, địa điểm và tuyến thu gom chất thải rắn tại các điểm dân cư.

4. Thu gom, vận chuyển chất thải rắn đến vị trí đã được quy định.

5. Chịu trách nhiệm về tình trạng rơi vãi chất thải rắn, phát tán mùi, gây ảnh hưởng xấu đến môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển.

6. Chịu trách nhiệm đào tạo nghiệp vụ, trang bị bảo hộ lao động cho công nhân thu gom, vận chuyển chất thải rắn. Tổ chức khám bệnh định kỳ cho người lao động trong tổ chức thu gom, vận chuyển chất thải rắn.

7. Các trách nhiệm khác theo quy định của hợp đồng dịch vụ công ích.

Điều 31. Chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn nguy hại

1. Bảo đảm số lượng trang thiết bị thu gom, phương tiện vận chuyển và các trang thiết bị an toàn khác nhằm chuyển toàn bộ chất thải rắn nguy hại đến nơi quy định theo hợp đồng dịch vụ đã ký kết với các chủ nguồn thải.

2. Các trang thiết bị thu gom và phương tiện vận chuyển chất thải rắn phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật khi vận hành, được đăng ký cấp phép lưu thông trên các tuyến đường theo quy định của pháp luật về giao thông.

3. Sửa chữa, bảo trì và vệ sinh các trang thiết bị, phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn.

4. Nhân lực quản lý và hoạt động trực tiếp trong quá trình thu gom, vận chuyển chất thải rắn phải đáp ứng yêu cầu nhân lực, được đào tạo về quản lý và vận hành nhằm bảo đảm an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động.

5. Lao động trực tiếp thu gom, vận chuyển chất thải rắn nguy hại phải được trang bị bảo hộ lao động, được khám bệnh định kỳ.

6. Chịu trách nhiệm về việc làm rơi vãi, rò rỉ, phát tán chất thải nguy hại môi trường.

Điều 32. Chủ nguồn thải chất thải rắn

1. Chủ nguồn thải chất thải rắn thông thường:

1.1. Các cá nhân, hộ gia đình:

a) Mọi cá nhân phải bỏ chất thải rắn đúng quy định nơi công cộng;

b) Các hộ gia đình phải phân loại chất thải rắn bằng các dụng cụ chứa hợp vệ sinh hoặc trong các túi có màu sắc phân biệt, đổ chất thải vào đúng nơi quy định;

c) Các hộ gia đình khi tiến hành các hoạt động cải tạo hoặc phá dỡ công trình xây dựng phải thực hiện đăng ký hoặc ký hợp đồng trực tiếp với đơn vị xử lý chất thải rắn trên địa bàn để được thu gom theo quy định;

d) Các hộ gia đình tại các vùng nông thôn, vùng sâu vùng xa, chưa có hệ thống thu gom phải thực hiện xử lý chất thải rắn theo hướng dẫn của chính quyền địa phương, không được đổ chất thải rắn ra đường, sông ngòi suối, kênh rạch và các nguồn nước mặt. Các chất thải ở dạng bao bì chứa hóa chất độc hại hoặc sản phẩm hóa chất đã hết hạn sử dụng trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, phải được lưu giữ trong các túi riêng, được thu gom, vận chuyển và xử lý riêng;

1.2. Các cơ quan, cơ sở kinh doanh dịch vụ, các cơ sở sản xuất công nghiệp, làng nghề:

a) Phải thực hiện thu gom, phân loại chất thải rắn thông thường tại nguồn bằng các dụng cụ hợp vệ sinh theo hướng dẫn của tổ chức thu gom, vận chuyển;

b) Phải ký hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, thanh toán kinh phí dịch vụ theo hợp đồng.

2. Chủ nguồn chất thải rắn nguy hại:

Thực hiện đăng ký với cơ quan nhà nước về bảo vệ môi trường của địa phương. Phân loại, đóng gói bảo quản và lưu giữ theo quy định về quản lý chất thải rắn nguy hại tại cơ sở cho đến khi vận chuyển đến nơi xử lý theo quy định. Các chất thải rắn nguy hại phải được dán nhãn, ghi các thông tin cần thiết theo quy định.

Điều 33. Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Ban hành bảng giá cho thuê nhà ở công vụ, bảng giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, bảng giá cho thuê, giá bán sở hữu nhà nước áp dụng trên địa bàn tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh giao và ủy quyền cho các sở chuyên ngành thực hiện quản lý nhà nước về nhà ở như sau:

2.1. Sở Xây dựng:

a) Trình UBND tỉnh chấp thuận đầu tư dự án phát triển nhà ở sinh viên, dự án nhà ở công nhân, dự án nhà ở cho người có thu nhập thấp;

b) Thẩm định dự án phát triển nhà ở;

c) Hướng dẫn UBND các huyện, thị đánh số và gắn biển số nhà đô thị trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành bảng giá cho thuê nhà ở công vụ, bảng giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, bảng giá cho thuê, giá bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước áp dụng trên địa bàn tỉnh.

2.2. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Sở Tài nguyên và môi trường Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho tổ chức trong nước, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài;

b) Điều kiện để được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 34. Ủy ban nhân dân huyện, thị

1. Xây dựng kế hoạch đánh số và gắn biển số nhà đô thị trên địa bàn do mình quản lý. Cấp chứng nhận số nhà (chứng nhận số nhà không thay thế cho việc công nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng).

2. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các trường hợp ngoài quy định tại Điều 30 của Quy định phân cấp này.

Điều 35. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

1. Triển khai thực hiện đánh giá, gắn biển số nhà và trao chứng nhận biển số nhà cho các hộ gia đình trên địa bàn.

2. Tuyên truyền phổ biến và đôn đốc tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn chấp hành quy định về đánh số và gắn biển số nhà.

3. Kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm quy định về đánh số và gắn biển số nhà cũng như quản lý nhà ở trên địa bàn theo thẩm quyền.

Điều 36. Chủ quản sử dụng nhà ở

1. Thực hiện việc bảo trì nhà ở.
2. Lập hồ sơ đề nghị cơ quan chức năng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.
3. Người sử dụng nhà có trách nhiệm giữ gìn bảo vệ biển số nhà đã được gắn. Khi biển số nhà bị hư hỏng, bị mất chủ sở hữu nhà phải làm đơn đề nghị gắn biển số nhà hoặc thay biển số nhà mới gửi UBND cấp xã phường. Không dùng biển số nhà sai quy định hoặc không có biển số.
4. Quản lý sử dụng nhà ở chung cư được thực hiện theo quy định của Bộ Xây dựng.

Mục 8 **QUẢN LÝ CÔNG SỞ**

Điều 37. Sở Xây dựng

1. Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức điều tra, thống kê đánh giá định kỳ về công sở trên địa bàn tỉnh; tổ chức xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu và cung cấp thông tin về công sở, trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn tỉnh.
2. Thẩm định đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu công sở cơ quan Đảng, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội của cấp tỉnh trình UBND tỉnh phê duyệt. Hồ sơ đồ án quy hoạch chi tiết thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.
3. Kiểm tra công tác bảo trì các công sở xây dựng trên địa bàn tỉnh. Báo cáo UBND tỉnh và Bộ Xây dựng về quản lý công tác bảo trì công sở.

Điều 38. Ủy ban nhân dân huyện

Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng công sở tỷ lệ 1/500 của các cơ quan Đảng, nhà nước, tổ chức chính trị, xã hội của cấp huyện, cấp xã.

Điều 39. Chủ quản sử dụng công sở, cơ quan sự nghiệp công lập

1. Chủ quản sử dụng công trình có trách nhiệm bảo trì công trình, máy móc, trang thiết bị công sở do mình quản lý.
2. Tổ chức thực hiện bảo trì công sở theo quy định.
3. Hàng năm lập kế hoạch vốn bảo trì công sở để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc chất lượng công sở bị xuống cấp do không thực hiện chế độ bảo trì theo quy định.
4. Nghiêm cấm việc chiếm dụng hoặc sử dụng công sở sai mục đích.
5. Xây dựng quy chế nội bộ về quản lý sử dụng trụ sở, nhà làm việc của đơn vị mình. Lưu giữ hồ sơ quản lý sử dụng trụ sở làm việc theo quy định.
6. Đối với trụ sở, nhà làm việc các cơ quan sự nghiệp công lập; Gửi hồ sơ trích ngang và sơ đồ mặt bằng được thiết lập ban đầu từ khi đưa vào sử dụng và hồ sơ được bổ sung trong quá trình sử dụng đến Sở Xây dựng, Sở Tài chính đối

với trụ sở, nhà làm việc thuộc cấp tỉnh, gửi đến phòng Tài chính Kế hoạch, phòng Quản lý đô thị (hoặc phòng Công Thương) đối với trụ sở, nhà làm việc của tổ chức, đơn vị cấp huyện và xã hội.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 40. Các tổ chức, cá nhân khi thực hiện xây dựng công trình trong đô thị khi thi công xây dựng, xử lý kỹ thuật công trình liên quan đến đường đô thị (trừ Quốc lộ, đường cao tốc qua đô thị) và các công trình hạ tầng kỹ thuật hạ tầng khác của đô thị phải có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Sở Xây dựng, UBND các huyện, thị thực hiện theo nội dung của Quy định này để xây dựng các công trình hạ tầng đồng bộ đảm bảo mỹ thuật, kỹ thuật và sự an toàn của các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Các hành vi vi phạm trong quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị, nhà ở và công sở đều bị xử phạt vi phạm theo quy định hiện hành.

Điều 41. Giao thông cho Sở Xây dựng chủ trì hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quy định phân cấp này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
(Đã ký)

Nông văn Páo